

DANH SÁCH SINH VIÊN K50 ĐẠT HỌC BỔNG
HỌC KỲ 2 NĂM 2014 - 2015

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TC đạt	TBHK	ĐRL	Loại HB	Điểm TA	KTX	TCĐK	Ngày sinh
1	K145140214003	Đào Minh	Huyền	K50SK.01	16	4.00	84	Giỏi	477	K6	12	15/06/91
2	K145140214006	Phạm Công	Tiếp	K50SK.01	16	4.00	82	Giỏi	443	K6	19	14/11/91
3	K145140214004	Dương Diệu	My	K50SK.01	16	3.00	82	Khá	413	K6	19	08/07/92

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

Người lập

Nguyễn Thị Thu

KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM 2014 - 2015

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TC đạt	TBHK	ĐRL	ch TC*TBE	Điểm TA	KTX	TCĐK	Ngày sinh
1	K145140214003	Đào Minh	Huyền	K50SK.01	13	3.15	72	40.95		201 - K6		
2	K145510301090	Hoàng Minh	Hoàng	K2 CN- ĐĐT.02	12	3.67	71	44.04		407 - K4	12	30/08/95
3	K145510301110	Lục Văn	Thạo	ĐĐT.02	12	3.67	71	44.04		407 - K4	12	17/09/96
4	K145510301115	Mai Tuấn	Việt	ĐĐT.02	12	3.67	71	44.04		407 - K4	12	18/02/96
5	K145510301099	Phùng Thị	Lan	ĐĐT.02	12	3.67	79	44.04		402 - K6	12	01/04/96
6	K145510301083	Nguyễn Văn	Hiệp	ĐĐT.02	12	3.67	71	44.04		305 - K4	12	14/01/96
7	K145510301114	Nguyễn Danh	V- ơng	ĐĐT.02	12	3.67	71	44.04		305 - K4	12	19/09/96
8	DTK1051060070	Bùi Thị	Trang	K46SCK.01	12	3.56	89	42.72	400	204 - K6	12	15/06/91
9	K145510301097	Ma Thúc	Kháng	ĐĐT.02	12	3.50	71	42		305 - K4	12	30/06/96
10	K145510301073	Nguyễn Minh	Chính	ĐĐT.02	12	3.50	71	42		205 - K4	12	27/12/96
11	K145510301108	Nguyễn Anh	Tuấn	ĐĐT.02	12	3.50	74	42		113- K3	12	01/10/95
12	DTK1051060021	Nguyễn Thị	Ly	K46SKĐ.01	12	3.33	91	39.96	410	204 - K6	19	14/11/91
13	DTK1051060023	Nông Thị Thủy	Ngân	K46SKĐ.01	12	3.25	91	39	417	204 - K6	19	08/07/92
14	K145510301009	Nguyễn An	Khang	K2 CN- ĐĐT.01	10	3.60	74	36		506 - K6	10	22/11/96
15	K145510301002	Vũ Ngọc	Chinh	ĐĐT.01	10	3.40	82	34		103 - K6	10	31/10/96
16	K145510301084	Nguyễn Văn	Hiệp	ĐĐT.02	12	2.83	71	33.96		305 - K4	12	04/03/95
17	K145510301095	Trần Văn	Huỳnh	ĐĐT.02	12	2.83	71	33.96		305 - K4	12	18/05/96
18	K145510301117	Nguyễn Đức	Việt	ĐĐT.02	12	2.83	71	33.96		205 - K4	12	05/05/96
19	DTK1051060059	Nguyễn Thị	Oanh	K46SKĐ.01	10	3.30	91	33	400	302 - K6	17	14/12/92

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

Người lập

Nguyễn Thị Thu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG
HỌC KỲ 2 NĂM 2014 - 2015

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TC đạt	TBHK	ĐRL	Loại HB	Điểm TA	KTX	TCĐK	Ngày sinh
1	DTK1051060070	Bùi Thị	Trang	K46SCK.01	12	3.56	89	Khá	400		12	15/06/91
2	DTK1051060021	Nguyễn Thị	Ly	K46SKD.01	12	3.33	91	Khá	410		19	14/11/91
3	DTK1051060023	Nông Thị	Ngân	K46SKD.0	12	3.25	91	Khá	417		19	08/07/92
4	DTK1051060059	Nguyễn Thị	Oanh	K46SKD.0	10	3.30	91	Khá	400		17	14/12/92

TRƯỞNG KHOA

Thái Nguyên, ngày 6 tháng 3 năm 2015
Người lập

Nguyễn Thị Thu

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM 2014 - 2015

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TC đạt	TBHK	ĐRL	ch TC*TBH	Điểm TA	KTX	TỔNG	Ngày sinh
1	DTK1051060016	D- ơng Thị	Hoa	K46SKĐ.01	10	2.80		28			10	07/02/92
2	DTK1051060019	Đỗ Thị	Lành	K46SKĐ.01	10	2.80		28			19	16/03/92
3	DTK1051060047	Nguyễn Thị	Hồng	K46SKĐ.01	10	2.80		28			18	01/08/91
4	K135140214016	Trần Thị	Trang	K49SK.01	16	2.81		44.96			19	22/05/95
5	K135140214063	Vũ Thị	Thanh	K49SK.01	16	2.81		44.96			19	23/01/94
6	DTK0951060138	Nguyễn Thị	Thu	K46SKT.01	12	2.83		33.96			12	20/09/90
7	K145510202048	Trần Văn	Nhật	CTM.01	12	2.83		33.96			12	27/09/95
8	K145510202050	Lê Hoàng	Vũ	CTM.01	12	2.83		33.96			12	19/07/96
9	K145510301084	Nguyễn Văn	Hiệp	ĐĐT.02	12	2.83		33.96			12	04/03/95
10	K145510301095	Trần Văn	Huỳnh	ĐĐT.02	12	2.83		33.96			12	18/05/96
11	K145510301117	Nguyễn Đức	Việt	ĐĐT.02	12	2.83		33.96			12	05/05/96
12	K145510301123	Bùi Khắc	Hiệp	K2 CN-	12	2.83		33.96			12	27/03/95
13	DTK1051060069	Vũ Thị	Thúy	K46SKĐ.01	11	2.91		32.01			11	14/02/92
14	K135140214131	Trần Trung	Thành	K49SK.01	14	2.93		41.02			17	27/04/93
15	K135140214110	Đỗ Đức	Nguyễn	K49SK.01	16	2.94		47.04			19	18/04/94
16	DTK1151060021	Vũ Thị	Lụa	K47SKĐ.01	18	2.94		52.92			18	23/01/93
17	DTK1151060006	Nguyễn Thị	Hòa	K47SKĐ.01	16	3.06		48.96			16	05/02/93
18	DTK1151060010	Lục Thị	Mơ	K47SKĐ.01	17	3.06		52.02			20	06/03/93
19	DTK1051060036	Bùi Thị	Xiêm	K46SKĐ.01	13	3.08		40.04			19	20/11/91
20	DTK1051060045	Hoàng Thị	H- ơng	K46SCK.01	11	3.09		33.99			14	08/02/92
21	DTK1051060072	Nguyễn Thị	Yên	K46SCK.01	11	3.09		33.99			17	01/11/92
22	DTK1051060024	Nguyễn Thị	Nga	K46SCK.01	10	3.10		31			10	26/05/92
23	DTK1151060004	Trịnh T Thanh	Hồng	K47SKĐ.01	19	3.11		59.09			19	28/07/93
24	K145140214003	Đào Minh	Huyền	K50SK.01	13	3.15		40.95			13	09/03/96
25	DTK1151060014	Hoàng Văn	Thắng	K47SKĐ.01	20	3.20		64			20	19/04/94
26	DTK1051060023	Nông Thị Thủy	Ngân	K46SKĐ.01	12	3.25		39			19	08/07/92
27	DTK1051060059	Nguyễn Thị	Oanh	K46SKĐ.01	10	3.30		33			17	14/12/92
28	DTK1051060021	Nguyễn Thị	Ly	K46SKĐ.01	12	3.33		39.96			19	14/11/91
29	K145510301002	Vũ Ngọc	Chinh	ĐĐT.01	10	3.40		34			10	31/10/96
30	K145510301073	Nguyễn Minh	Chính	ĐĐT.02	12	3.50		42			12	27/12/96
31	K145510301097	Ma Thúc	Kháng	ĐĐT.02	12	3.50		42			12	30/06/96
32	K145510301108	Nguyễn Anh	Tuấn	ĐĐT.02	12	3.50		42			12	01/10/95
33	DTK1051060070	Bùi Thị	Trang	K46SCK.01	12	3.56		42.72			12	15/06/91
34	K145510301009	Nguyễn An	Khang	K2 CN-	10	3.60		36			10	22/11/96
35	K145510301083	Nguyễn Văn	Hiệp	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	14/01/96
36	K145510301090	Hoàng Minh	Hoàng	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	30/08/95

37	K145510301099	Phùng Thị	Lan	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	01/04/96
38	K145510301110	Lục Văn	Thạo	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	17/09/96
39	K145510301113	Vũ Thị Huyền	Trang	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	18/05/96
40	K145510301114	Nguyễn Danh	V- ơng	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	19/09/96
41	K145510301115	Mai Tuấn	Việt	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	18/02/96
42	K145510301121	Tạ Văn	Nghiệp	ĐĐT.02	12	3.67		44.04			12	06/10/96